

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG NHỰA PVC-U

ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01-01-2024 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

*Phụ tùng ống PVC-U hệ Inch theo tiêu chuẩn TCVN 8491:2011 - Phụ lục B
 (tham chiếu tiêu chuẩn BS 3505:1968)*

S TT	Sản Phẩm		ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)		S TT	Sản Phẩm		ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách			Chưa thuế	Thanh toán
1	Co 90° (90° Elbow)	21 D	Cái	15	2,850	3,078	3	Co 45° (45° Elbow)	21 D	Cái	15	2,470	2,668
		27 D	-	15	4,550	4,914			27 D	-	15	3,800	4,104
		34 D	-	15	6,460	6,977			34 D	-	15	5,980	6,458
		42 D	-	12	9,700	10,476			42 D	-	15	8,450	9,126
		49 D	-	12	15,400	16,632			49 D	-	12	12,800	13,824
		60 M	-	6	10,800	11,664			60 M	-	6	9,400	10,152
		90 M	-	6	25,500	27,540			90 M	-	6	21,300	23,004
		114 M	-	6	53,000	57,240			114 M	-	6	41,700	45,036
2	Chữ T (Tee)	21 D	Cái	15	3,800	4,104	4	Nối trơn (Plaint socket)	21 D	Cái	15	2,070	2,236
		27 D	-	15	6,050	6,534			27 D	-	15	3,000	3,240
		34 D	-	15	9,900	10,692			34 D	-	15	5,000	5,400
		42 D	-	15	13,000	14,040			42 D	-	15	6,900	7,452
		49 D	-	12	19,500	21,060			49 D	-	12	10,500	11,340
		60 M	-	6	13,870	14,980			60 M	-	6	6,500	7,020
		90 M	-	6	40,000	43,200			90 M	-	6	15,000	16,200
		114 M	-	6	72,500	78,300			114 M	-	6	21,900	23,652
5	Van (Valve)	21	Cái	12	18,500	19,980	6	Chữ T rút (Reducing tee)	27 x 21 D	Cái	15	4,500	4,860
		27	-	12	21,500	23,220			34 x 27 D	-	15	8,000	8,640
		34	-	12	35,000	37,800			42 x 27 D	-	15	9,800	10,584
		42	-	12	53,000	57,240			42 x 34 D	-	15	9,800	10,584
		60	-	12	118,000	127,440			60 x 27D	-	15	23,000	24,840
									60 x 27D	-	15	23,000	24,840
									60 x 34D	-	12	21,500	23,220
		27 x 21D	Cái	15	2,800	3,024	8	Keo dán (Solvent cement)	25gr	Tuýp		4,900	5,390
		34 x 27D	-	15	3,900	4,212			50gr	-		8,400	9,240
		42 x 27D	-	15	5,200	5,616			100gr	-		15,400	16,940
		42 x 34D	-	15	6,000	6,480			200gr	Lon		39,000	42,900
		60 x 21D	-	15	10,000	10,800			500gr	-		72,500	79,750
		60 x 27D	-	15	10,500	11,340			1kg	-		135,000	148,500

7	Nối rút trơn (Reducing socket)	60 x 34D	-	15	11,000	11,880	9	Nối ren ngoài (Plastic male threaded socket)	27D	Cái	15	2,700	2,970
		60 x 42D	-	12	12,000	12,960							
		60 x 49D	-	12	12,500	13,500							
		90 x 21M	-	9	10,500	11,340	10	Nối ren trong (Plastic female threaded socket)	27D	Cái	15	3,000	3,300
		90 x 27M	-	9	10,800	11,664							
		90 x 34M	-	9	11,200	12,096							
		90 x 42M	-	6	11,700	12,636	11	Nối rút có ren (Threaded	21 xRT27D	Cái	15	2,600	2,808
		90 x 49M	-	6	12,000	12,960			21 xRN27D	-	15	1,950	2,106
		90 x 60M	-	6	12,500	13,500							
12	T cong rút (Reducing 90° turn lateral	90 x 60M	Cái	6	30,000	32,400	13	T cong (90° turn lateral	90M	Cái	6	46,000	49,680

* **Ghi chú:** Thuế GTGT của keo dán: 10%

